Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0306.36.21

Mã HS	0306.36.21
Mô tả hàng hóa	Động vật giáp xác, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, sống, tươi, ướp lạnh, đông lạnh, khô, muối hoặc ngâm nước muối; động vật giáp xác hun khói, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói; động vật giáp xác chưa bóc mai, vỏ, đã hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đã hoặc chưa ướp lạnh, đông lạnh, khô, muối, hoặc ngâm nước muối / - Sống, tươi hoặc ướp lạnh: / - - Tôm shrimps và tôm prawn khác: / - - - Loại khác, sống: / - - - - Tôm sú (Penaeus monodon)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	11/11/2026 14:24:46
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/03063621/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K611
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N611
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q611
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ611
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY, KR)	0% (trừ MY, KR)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục B)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	5,5	5,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.7	5,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E608
ATIGA	2022	2022	0	AT!E609
ATIGA	2023	2023	0	AT!F609
ATIGA	2024	2024	0	AT!G609
ATIGA	2025	2025	0	AT!H609
ATIGA	2026	2026	0	AT!I609
ATIGA	2027	2027	0	AT!J609
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E611
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F611
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G611
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H611

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I611
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J611
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E611
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F611
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G611
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H611
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I611
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J611
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F609
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H608
AIFTA	30/12/2022	2022	18	AI!F611
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	17	AI!G611
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	16	AI!H611
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	15	AI!I611
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	15	AI!J611
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	15	AI!K611
VKFTA	2022	2022	0	VK!E609
VKFTA	2023	2023	0	VK!F609
VKFTA	2024	2024	0	VK!G609
VKFTA	2025	2025	0	VK!H609
VKFTA	2026	2026	0	VK!I609
VKFTA	2027	2027	0	VK!J609
VCFTA	2022	2022	0	VC!D610
VCFTA	2023	2023	0	VC!E610
VCFTA	2024	2024	0	VC!F610
VCFTA	2025	2025	0	VC!G610

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H610
VCFTA	2027	2027	0	VC!I610
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D613
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E613
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F613
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G613
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H613
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I613
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D113
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E113
AHKFTA	2022	2022	6	AKH!D618
AHKFTA	2023	2023	4	AKH!E618
AHKFTA	2024	2024	4	AKH!F618
AHKFTA	2025	2025	2	AKH!G618
AHKFTA	2026	2026	2	AKH!H618
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I618
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D610
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E610
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F610
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G610
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H610
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I610
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D612
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E612
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F612
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G612

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H612
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I612
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D610
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E610
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F610
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G610
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H610
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I610
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J610
RCEP A	2022	2022	9	RCEPT-A!D609
RCEP A	2023	2023	8	RCEPT-A!E609
RCEP A	2024	2024	7	RCEPT-A!F609
RCEP A	2025	2025	6	RCEPT-A!G609
RCEP A	2026	2026	5	RCEPT-A!H609
RCEP A	2027	2027	4	RCEPT-A!I609
RCEP B	2022	2022	9	B!D609
RCEP B	2023	2023	8	B!E609
RCEP B	2024	2024	7	B!F609
RCEP B	2025	2025	6	B!G609
RCEP B	2026	2026	5	B!H609
RCEP B	2027	2027	4	B!I609
RCEP C	2022	2022	9	C!D609
RCEP C	2023	2023	8	C!E609
RCEP C	2024	2024	7	C!F609
RCEP C	2025	2025	6	C!G609
RCEP C	2026	2026	5	C!H609

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	4	C!I609
RCEP D	2022	2022	9,1	D!D609
RCEP D	2023	2023	8,2	D!E609
RCEP D	2024	2024	7,3	D!F609
RCEP D	2025	2025	6,4	D!G609
RCEP D	2026	2026	5,5	D!H609
RCEP D	2027	2027	4,5	D!I609
RCEP E	2022	2022	9	E!D609
RCEP E	2023	2023	8	E!E609
RCEP E	2024	2024	7	E!F609
RCEP E	2025	2025	6	E!G609
RCEP E	2026	2026	5	E!H609
RCEP E	2027	2027	4	E!I609
RCEP F	2022	2022	9	F!D609
RCEP F	2023	2023	8	F!E609
RCEP F	2024	2024	7	F!F609
RCEP F	2025	2025	6	F!G609
RCEP F	2026	2026	5	F!H609
RCEP F	2027	2027	4	F!I609
VIFTA	2024	2024	8.6	VI!F596
VIFTA	2025	2025	7.1	VI!G596
VIFTA	2026	2026	5.7	VI!H596
VIFTA	2027	2027	4.3	VI!I596

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AIFTA 15%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (10%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 10%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0306.36 có 12 dòng thuế; dòng 0306.36.21 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Tôm sú (Penaeus monodon).	0306.36.11 Tôm sú (Penaeus monodon) (SEN); 0306.36.12 Tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei) (SEN); 0306.36.13 Tôm càng xanh (Macrobrachium rosenbergii) (SEN); 0306.36.19 Loại khác (SEN); 0306.36.22 Tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei); 0306.36.23 Tôm càng xanh (Macrobrachium rosenbergii)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0306.36.21. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 0306.36.21 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N611), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.